

MỤC LỤC

Mảnh đất đầu chữ S	5
Sông Bạch Đằng	15
Chùa Tây Phương	24
Lên Trường Sơn	34
Sầu riêng, măng cụt Thủ Dầu Một	72
Kho vàng Cà Mau	87
Bể than Đông Bắc	110
Tây Nguyên hùng vĩ	134
Miền Đông Nam Bộ	177
Cát Bà – hòn đảo ngọc	215
An Giang xanh tươi	243

MẢNH ĐẤT ĐẦU CHỮ S

Các em hãy nhìn lên bản đồ Việt Nam: bờ biển nước ta hình chữ S.

Các em có biết chỗ đầu chữ S là gì không? Đó là Sa Vỹ, một dải cát trắng mịn tuyệt đẹp nằm phía trên xã Trà Cổ⁽¹⁾ – xã địa đầu của biên giới Việt-Trung.

Sa Vỹ và Mũi Ngọc là hai đầu của đảo Trà Cổ. Các cụ ở đây nói: Trà Cổ giống hình một con rồng, đầu ngậm hòn ngọc tức Mũi Ngọc, và đuôi là dải cát cong vút – Sa Vỹ.

Trước hết, xin được giới thiệu đôi nét về xã Trà Cổ, sau sẽ nói riêng về “cái đuôi” của nó.

Một điều khá đặc biệt là huyện Móng Cái⁽²⁾ nằm sát biên giới có mấy chục xã toàn người các dân tộc, đông nhất là người Sán Dìu, người Hoa, ấy thế mà bỗng lọt vào một làng người Kinh, rất đông, trên 5.000 người, với nhà cửa, ngôn ngữ, y phục, tập quán, đình chùa đồ sộ y hệt

(1) Nay là phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

(2) Nay là thành phố Móng Cái.

miền xuôi. Đình Trà Cổ có từ hơn 400⁽¹⁾ năm trước, đã được Bộ Văn hóa xếp hạng, to đẹp không kém gì đình Đình Bảng, với kiểu cách đục chạm rất độc đáo Việt Nam, không bị lai tạp mặc dù ở sát ngay biên giới. Điều đó chứng tỏ sức sống mãnh liệt của những con người ở đây. Nếu chúng ta nhớ rằng vùng biên giới ngày xưa vốn là nơi luôn luôn bị phong kiến phương bắc uy hiếp, binh tướng xâm lăng đều tràn qua từ đây – với chính sách đồng hóa, với các cuộc chém giết, gây thù hằn dân tộc không thể tưởng tượng được – thì sự tồn tại của một làng trên 5.000 người Kinh, đời này qua đời khác, với đầy đủ đặc tính dân tộc, giữa nơi biên cương heo hút, là một điều hiếm có!

Người Trà Cổ phải đoàn kết, dũng cảm và biết tổ chức sự sống thế nào mới đứng vững được nơi đầu sóng ngọn gió.

Ở thôn Tràng Vỹ (Tràng Vỹ và Sa Vỹ là hai thôn thuộc xã Trà Cổ)⁽²⁾ còn có một nhà thờ chọe trời, với tháp chuông cao 43 mét. Đồng bào Công giáo ở đây chính gốc là người Trà Lũ (Nam Định), tị nạn lên đây sau những cuộc khủng bố dưới thời Tự Đức sát đạo⁽³⁾.

Nghề chính của người dân Trà Cổ là nghề sông nước (đánh cá và vận tải). Trước Cách mạng tháng Tám, ai đã từng sống ở miền biển hay qua lại miền biển đều biết

(1) Bài viết này được viết vào năm 1972.

(2) Nay là đường Tràng Vỹ và mũi Sa Vỹ thuộc thành phố Móng Cái.

(3) Chủ trương của một số vua triều Nguyễn nhằm khủng bố, tàn sát những người theo Ki-tô giáo.

tiếng thuyền Trà Cổ và dân Trà Cổ là ít ai dám đụng đến, ngay cả Tây đoan⁽¹⁾ cũng phải sợ! (Có lần Tây đoan đi khám thuyền, bị dân Trà Cổ đánh quăng xuống biển). Người Trà Cổ hồi ấy đi buôn bán, vận chuyển khắp nơi (kể cả buôn lậu); thuyền Trà Cổ thường đi thành từng đoàn.

Nhìn người nào cao lớn, vạm vỡ, da đen khôe khoắn, thường hay mặc áo đen, nói tiếng nặng nề, người ta biết ngay là người Trà Cổ. Thuyền Trà Cổ kiểu buồm cánh dơi, gồm hai ba buồm, mũi thuyền kẻ hai con mắt trắng, con người đen, chạy như xé nước trên mặt biển.

Dân Trà Cổ rất tự hào về lai lịch hòn đảo của mình.

Theo truyền thuyết thì Trà Cổ ngày xưa là một hòn đảo hoang, rừng núi âm u rậm rạp, không người lui tới. Đến đời nhà Lê, có mười hai ông già đi thuyền tới tìm kế sinh sống. Sau khi đổ bộ lên bờ, ngắm phong cảnh, nhìn địa thế, sáu ông lắc đầu bỏ về, ngâm mấy câu thơ:

Ở đây ăn bổng lộc gì!

Lộc sung thì chát, lộc si chẳng còn.

Nhưng sáu ông khác thì lại thấy thích thú với cảnh non xanh nước biếc, quyết tâm ở lại. Một trong sáu ông làm thơ:

Ở đây vui thú non tiên,

Rạng ngày lọc nước lấy tiên nuôi nhau.

(1) Đoan (douane): từ chỉ ngành hải quan của chính quyền thực dân Pháp lập ra trước Cách mạng tháng Tám.

“Lọc nước” tức là nghề đánh cá, làm muối. Cuộc sống khởi đầu từ đó. Cây rừng bị đốn dần. Nhà cửa mọc lên. Chẳng bao lâu thành làng bến đông vui, phố xá sầm uất.

Ngày nay, đình Trà Cổ còn thờ sáu vị thành hoàng⁽¹⁾ có công khai phá ấy.

Chắc nhiều em muốn hỏi: sáu ông cụ kia từ đâu tới Trà Cổ?

Ở đây còn lưu truyền câu: Dân Trà Cổ, tổ ở Đồ Sơn. Sáu ông tổ của Trà Cổ ấy là người từ Đồ Sơn tới.

Thời Pháp thuộc, mỗi khi Trà Cổ mở hội, dân làng vẫn đi thuyền về Đồ Sơn rước “sắc” thần⁽²⁾ ra tế, tan hội lại đem trả. Hai bên giỗ Tết, đi lại, coi nhau như anh em. Đồ Sơn có bốn họ lớn: Đinh, Lưu, Hoàng, Nguyễn, thì Trà Cổ cũng có bốn họ như thế. Từ xưa, dân Đồ Sơn ra Trà Cổ được người Trà Cổ rất quý trọng, làm cơm rượu tiếp đãi và gọi bằng “anh”. Người Trà Cổ dáng dấp rất giống người Đồ Sơn, từ cách đi đứng đến giọng nói. Người nào cũng ăn to nói lớn.

Lần lại lịch sử từ thời Lê-Trịnh, ta sẽ thấy tích quận He (tức Nguyễn Hữu Cầu) khởi nghĩa chống lại triều đình phong kiến thối nát mấy chục năm ròng; nghĩa quân phát triển khắp miền duyên hải, lấy Đồ Sơn làm đại bản doanh, dù tiến hay lui đều bám chắc vùng biển. Quân chủ lực

(1) Vị thần của một làng, theo phong tục cũ.

(2) Giấy vua phong cho một vị thần của một địa phương nào đó.

toàn người chài lưới và nông dân vùng biển, có lần bị quân triều đình đánh thua phải chạy dạt ra các đảo. Như vậy, lịch sử Trà Cổ gắn liền với Đồ Sơn cũng không phải là chuyện lạ.

*
* *

Từ Mũi Ngọc, ta nhìn thấy một bãi cát phẳng chạy dài cong vút lên phía bắc rồi nối tiếp với đất bạn Trung Quốc, ra tới ngoài Bắc Hải, Lôi Châu. Những tưởng Sa Vỹ dính với nước Trung Hoa, có thể bước sang nhau được, nhưng thực chất còn cách một con sông nhỏ gọi là sông Bắc Luân, nước lúc nào cũng êm ả và xanh trong.

Cát ở đây trắng tinh, rất sạch. Nằm ngửa trên bãi cát nhìn màu xanh vờn vờn của sông, của biển, của trời, nghe tiếng lao xao rì rầm như từ ngày xưa vọng về, thỉnh thoảng lại nhìn thấy một chiếc thuyền độc mộc lao vun vút trên dòng sông, hoặc một chiếc “com-măng-ca” – có lẽ của đội vũ trang biên phòng – chạy bon bon trên bãi cát sát với biển, ta không khỏi bồi hồi man mác suy nghĩ rất nhiều về non sông đất nước.

Trà Cổ là nơi nghỉ mát nổi tiếng của Tổ quốc, hấp dẫn khách du lịch trong nước, ngoài nước. Bãi Trà Cổ rất rộng, phẳng và đẹp, cát mịn đến nỗi ô tô có thể chạy suốt chục cây số, ba bốn chiếc song hành. Phi lao, dương liễu xanh mướt ra tận bờ biển.

Bãi Trà Cổ còn có một hải sản đặc biệt: sá sùng. Đó là một thức dùng để nấu ăn rất nổi tiếng, làm cho nước canh ngọt đậm, ít thứ gì sánh kịp. Sá sùng có thể được nướng (sau khi đã phơi khô), ăn như mực khô. Đi trên bãi cát Sa Vỹ, chúng ta sẽ gặp những tốp người – thường là phụ nữ – mang theo giỏ và cuốc ngắn sau lưng. Họ có đôi mắt rất tinh; nhìn mặt cát sỏi bọt lặn tẩn là biết chỗ nào bên dưới có sá sùng ẩn nấp, thế là bất ngờ bỏ mạnh cuốc xuống, lật lên: Một con vật dài và đen nhầy giống như con lươn (tuy nhỏ hơn nhiều) ngo ngoáy trong cát ướt đầm nước. Sá sùng là một trong những hải sản rất đắt tiền, làm giàu cho Trà Cổ.

Một điều rất đặc biệt là ở ngay bên kia sông Bắc Luân, đối diện với Sa Vỹ lại có một xã Việt Nam rất to (hơn 400 hộ) nằm lọt giữa đất Trung Quốc, tên là Giang Bình. Nước bạn gọi những người ở Giang Bình là “Việt tộc”. Không ai biết rõ những người Việt Nam này sang đây ở tự bao giờ. Chỉ biết bà con bên đó cho đến nay vẫn nói tiếng Việt Nam trong sinh hoạt gia đình hằng ngày, chỉ khi nào ra ngoài mới nói tiếng Hoa và mặc quần áo Trung Quốc.

Vào ngày Quốc khánh Trung Quốc (1-10), ở thị trấn Đông Hưng, thủ phủ của huyện Phong Thành, đối diện với Móng Cái, năm nào cũng có duyệt binh. Thường người ta thấy trong hàng ngũ võ trang hùng dũng chính tề của nước bạn sẽ có đội nữ dân quân công xã Giang Bình chít

khăn vuông, mặc áo nâu non, quần đen, vai đeo súng, lưng thắt băng đạn, đi diễu trước khán đài.

Đứng trên mỏm đất Sa Vỹ nhìn sang Giang Bình thấy một làng đồ rức nhà ngói san sát dưới những hàng dừa xanh biếc, tưởng như đang ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An...

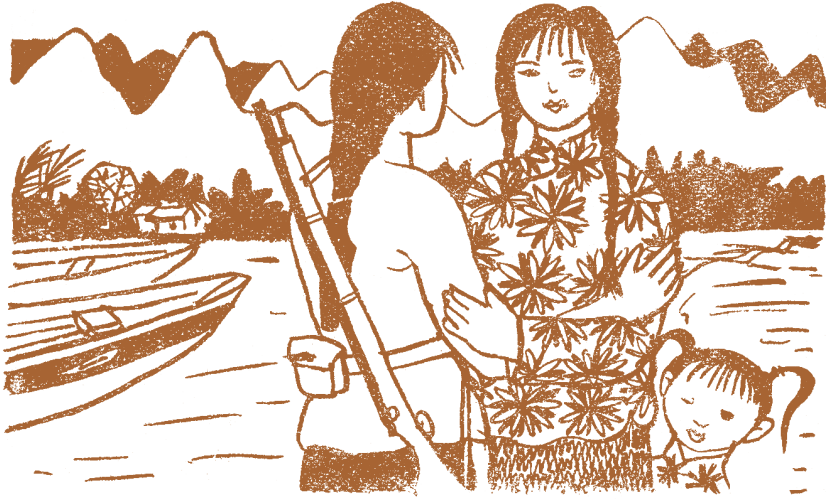
Có một chuyện cũ khá cảm động thế này:

Tết năm ấy có một người Việt Nam tha hương lưu lạc đến Giang Bình, thấy làng mở hội. Người khách xa nhà dừng chân ghé vào xem dân làng tế lễ, thấy y phục rõ ràng là người Trung Quốc, nhưng lúc nghe đọc văn tế thì lại là văn tế... Việt Nam! Người nọ bèn làm quen với dân làng, được mời vào các nhà, thết đãi cơm rượu linh đình.

Mảnh đất giáp ranh hai nước này cũng từng là nơi qua lại của nhiều chiến sĩ cách mạng Việt Nam và Trung Quốc. Nhà yêu nước Phan Bội Châu lúc Đông du (sang Nhật) đã ghé qua đây, nghỉ lại mấy ngày ở Trà Cổ. Cụ có làm một đôi câu đối đến nay vẫn treo ở chùa. Các đồng chí Trần Phú, Hoàng Quốc Việt và nhiều cán bộ cao cấp của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh cũng từng qua lại vùng biên giới này.

Và chuyện chị Lý Phương, một nữ chiến sĩ Hồng quân ở “Việt Quế biên khu” (Trung Quốc) đã từng sang hoạt động ở Tràng Vỹ, là một câu chuyện còn được nhiều người nhắc đến. Trong thời gian hoạt động ở nước ta, chị đã sinh một đứa con. Vì yêu cầu của cách mạng, chị phải về nước.

Chị gửi con lại nhờ nhân dân Tràng Vỹ nuôi hộ. Sau này, cách mạng hai nước thành công, Trung Hoa giải phóng, chị mới trở lại Tràng Vỹ gặp con. Đứa bé đã lên 10 tuổi...



... chị mới trở lại Tràng Vỹ gặp con.

Trà Cổ cũng là xã đầu tiên khởi nghĩa vũ trang cướp chính quyền ở huyện Móng Cái khi Cách mạng tháng Tám thành công. Là huyện địa đầu biên giới, Móng Cái đã bị hết bọn thổ phỉ thân Tưởng đến bọn thổ phỉ thân Pháp cướp giết, hoành hành. Trong giai đoạn 1946-48, ở đây đã diễn ra những vụ đốt phá, trả thù ghê gớm. Trà Cổ là pháo đài kiên cố chống bọn phản cách mạng. Ngay ngày đầu cách mạng, Trà Cổ đã lập riêng một tiểu đoàn Vệ quốc quân, tự may sắm quần áo, súng đạn, dâng những con em khỏe mạnh và dũng cảm nhất của mình cho Tổ quốc.

Suốt tám năm kháng chiến, nhân dân Trà Cổ đã kiên cường đấu tranh với địch. Có biết bao tấm gương của cán bộ và nhân dân như đảng viên Trần Kim người thôn công giáo Tràng Vỹ bị giặc bắt tra tấn, mổ bụng chọc tiết đến chết không khai, như bà cụ Thiện ở Sa Vỹ, nhà nghèo, góa chồng không có con, phải đi ăn xin mà vẫn nuôi giấu cán bộ, bộ đội trong nhà, ngày ngày vừa đi ăn xin vừa tuyên truyền, gây dựng cơ sở. Mãi sau hòa bình, cụ Thiện mới mất. Đám ma cụ rất đông. Đại diện của tỉnh, của huyện và toàn xã đi đưa. Nhà cụ Thiện hiện nay được giữ lại làm nhà truyền thống.

Từ khi hòa bình lập lại năm 1954, người Trà Cổ, bờ biển Trà Cổ vẫn luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng tiêu diệt bất cứ kẻ thù nào bén mảng đến đây. Dân quân Trà Cổ đã hai lần tóm gọn bọn biệt kích Mỹ-Tưởng. Trong số những tên bị bắt có tên Trịnh Kỳ Thiệu – thượng tá Tư lệnh trưởng của trung đội phi số 41 của Tưởng Giới Thạch. Người đã trối tên tướng phi đó là cô Thoi, nữ dân quân Trà Cổ, giữa một đêm tháng 10 năm 1963 trên bãi cát.

*
* *

Ôi! Một dải cát trắng, một mảnh đất nhỏ bé ở đầu chữ S của nước Việt Nam này đã có biết bao chuyện dựng nước và giữ nước li kì, xúc động! Bao thế hệ đã hòa nước mắt với

mồ hôi và máu để giữ từng tấc đất, phong tục, tập quán của ông cha, để ta có được hòn đảo xinh đẹp như ngày nay.

Từ đây nhìn thẳng xuống mỏm đất cuối cùng của Việt Nam: Cà Mau, quê hương của đước, của cá, của chim, của kênh rạch... ta cũng thấy những bãi cát trắng như Sa Vỹ, nghe tiếng lao xao rì rầm của biển, cũng những con người Việt Nam cần cù, chung thủy, bất khuất đang kiên cường chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược để bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc.

Chắc chắn đến ngày cả nước đánh thắng giặc Mỹ, thống nhất Bắc Nam⁽¹⁾, chúng ta sẽ có dịp đi suốt từ Sa Vỹ đến Cà Mau, chắc chắn Sa Vỹ và Cà Mau sẽ là hai nơi thu hút nhiều khách du lịch trong nước và thế giới nhất, vì đó là hai đầu của đất nước đã chiến đấu và lao động vô cùng anh dũng.

1972

XUÂN THU

(1) Ba năm sau khi tác giả Xuân Thu chấp bút cho phần về mũi Sa Vỹ, miền Nam đã được giải phóng, đất nước thống nhất vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

SÔNG BẠCH ĐẰNG

“Đàng Giang tự cổ huyết do hồng”⁽¹⁾

(Giang Văn Minh)

Trên bến Rừng chiều nay nước triều lên, tung sóng bạc. Con nước thượng tuần làm cho dòng sông đã rộng lại càng rộng thêm ra. Bình thường ngay tại bến phà tính từ mé nước bờ này sang bờ kia là khoảng một cây số tám trăm tám lăm, nhưng hôm nay nước to, bờ thoải, có lẽ quãng đường phải lên đến một cây số chín.

Sông Rừng tức Bạch Đằng giang là một khúc sông rất rộng, sách địa dư xưa đều ghi là sông Vân Cù. Núi non hai bờ cao vút, nước suối giao lưu, sóng tung trắng xóa, cây cối lấp bờ, là một nơi hiểm yếu. Trần Minh Tông (1300 – 1357) đã tả thế núi sông của bến Rừng:

*Kiểm trở ngang mây núi tuyết vời,
Ngọn trào trắng xóa cuốn doanh khơi.*

(1) Sông Bạch Đằng từ xưa máu vẫn còn đỏ.

Trên đất nước ta, đây là một trong những dòng sông đầy thử thách và lắm chiến công hơn cả. Từ xưa từ xưa, dòng nước oai hùng này đã gieo ánh sáng vào tâm trí chúng ta và đi vào trang sử chống xâm lăng của dân tộc ta một cách chói lọi.

Chiến công đầu tiên là của Ngô Quyền. Trước cảnh đất nước bị quân Nam Hán đe dọa xâm lăng, ông đêm đêm vò võ không trọn giấc. Dương Thị, vợ Ngô Quyền, thấy vậy gặng hỏi. Ngô Quyền buồn bực trả lời:

- Việc lo nghĩ của tôi, làm sao bà biết được!

Dương Thị lại hỏi:

- Việc quân hiện nay chứ gì? Ý ông bây giờ ra sao?

Ngô Quyền im lặng hồi lâu rồi nhe răng nói:

- Bà là đàn bà mà còn nghĩ suy đến, hướng hồ là tôi.

Rồi Ngô Quyền đứng lên, ngay trong đêm triệu tập tướng sĩ bàn cách đánh giặc. Trên bục cao, Ngô Quyền trồi mồm nhìn xuống các tướng lĩnh rồi hỏi kẻ:

- Hoàng Thao là đứa trẻ miệng còn hôi sữa, song nó có lợi là sở hữu nhiều chiến thuyền. Nhân lúc quân sĩ địch còn mệt mỏi, ta đánh nhất định phá được, nhưng bằng cách nào?

Trong hàng tướng lĩnh bỗng xôn xao, người bàn kế này, kẻ dâng kế khác. Cuối cùng Ngô Quyền nói:

- Bọn giặc ỷ thế mạnh, chiến thuyền nhiều, nếu ta phục sẵn, cắm cọc gỗ đẽo nhọn ở lòng sông gần cửa biển, lợi dụng nước triều lên, ta cho thuyền nhẹ khiêu chiến rồi vờ thua nhử giặc vào bên trong hàng cọc, chờ nước ròng, ta đánh quật lại sẽ phá tan chúng dễ dàng.

Liền đó, quân ta bí mật chặt hàng vạn cây gỗ, bịt sắt nhọn, đem cắm xuống dòng sông Bạch Đằng, chỗ lợi thế nhất. Quả nhiên bọn giặc trúng kế bị đánh tan tành, máu loang đỏ cả mặt sông. Đó là cuối năm 938.

Chưa đầy nửa thế kỷ sau, năm 981, Lê Hoàn lại dùng mưu đóng cọc ngăn sông làm chiến lũy ngầm của đời trước để đánh tan quân Tống xâm lược cũng trên dòng Bạch Đằng này.

Nhưng chiến công lớn nhất trên sông Bạch Đằng là trận đánh của Trần Hưng Đạo năm 1288, tiêu diệt toàn bộ đạo quân thủy của giặc Nguyên sang xâm lăng nước ta, bắt sống lũ giặc Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ... Chiến thắng Bạch Đằng giang của quân tướng nhà Trần đã làm tan vỡ hoàn toàn giấc mộng xâm lược của phong kiến Nguyên Mông. Đến nỗi sau đó, sứ Nguyên là Trần Phu sang nước ta vẫn còn kinh hoàng:

Kim qua ảnh lí đàn tâm khổ

Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh.

Dĩ hạnh quy lai thân kiện tại

Mộng hồi do giác chướng hồn kinh.

(Trông bóng giáo mác tấm lòng đau khổ. Nghe tiếng trống đồng mà bạc cả tóc. Nay được trở về thân mạnh khỏe. Mỗi khi mộng đến chuyện cũ còn thấy kinh sợ.)

Lúc Trần Phu sang nước ta đã 5 năm sau chiến thắng Bạch Đằng, thế mà hắn nghe thấy tiếng trống đồng vẫn còn hãi hùng đến vậy.

Trương Hán Siêu thời Trần qua đây đã đề thơ ghi lại:

*Tín thiên tâm chi thiết hiểm
Lại nhân kiệt dĩ tôn an.*

(Nơi hiểm trở do trời đặt, sự an toàn nhờ bậc anh hùng.)

Và trong bài phú *Sông Bạch Đằng* nổi tiếng, Trương Hán Siêu đã ca ngợi: “Đây là chỗ chiến địa vua Trần bắt giặc Nguyên và là nơi có châu⁽¹⁾ của vua Ngô phá quân Lưu (Hán).”

Đi thuyền trên dòng sông đầy chiến công này, Trương Hán Siêu đã gõ nhịp hát:

*Sông Đằng một dải dài ghê,
Luồng to sóng lớn dồn về biển Đông.
Trời Nam sinh kẻ anh hùng,
Tâm kinh yên lặng, non sông vững vàng.*

Phạm Sư Mạnh⁽²⁾ cũng có thơ rất hào hùng:

(1) Đất cũ.

(2) Nhà thơ và là học trò Chu Văn An đời Trần.

*Húng húng Bạch Đằng đào
Tưởng tượng Ngô Vương thuyền.*

(Thấy sông Bạch Đằng cuộn cuộn, chợt nghĩ đến chiến thuyền của vua Ngô.)

Phạm Sư Mạnh đã ngợi ca khí thiêng của dòng nước nơi đây là: “Giang sơn vượng khí Bạch Đằng thu” (khí thiêng sông nước tụ cả về sông Bạch Đằng).



Sông Đằng một dải dài ghê...

Hôm ấy, bên dòng sông chỗ chờ phà, một cô giáo đã đọc cho chúng tôi nghe câu hát dân gian vùng Yên Hưng⁽¹⁾ này:

Nhất cao là núi U Bò,
Nhất lớn chợ Giá, nhất to sông Rừng.

Cô giáo giảng và kẻ trên nền cát vị trí sông Bạch Đằng:

Sông Bạch Đằng cách huyện Yên Hưng 5 dặm về phía tây, nguồn từ sông Lục Đầu (Hải Hưng⁽²⁾) chảy qua địa giới huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) rồi đổ ra cửa biển Nam Triệu. Bạch Đằng là một khúc sông nằm trên hệ thống sông Thái Bình ở phía đông châu thổ Bắc Bộ do ba nhánh sông hợp lại. Đoạn sông Bạch Đằng chỉ dài hơn 20 ki-lô-mét, nhưng nó nhận nước của chi lưu sông Khoai, sông Diên Công, sông Gia Đức, sông Giá, sông Thái, sông Chanh... dồn về. Trên bãi bồi tả ngạn sông Chanh thuộc cánh đồng xã Yên Giang (Yên Hưng)⁽³⁾ còn đào được nhiều cọc gỗ đường kính từ 20 đến 30 phân, cao đến hai, ba mét. Khoảng cách giữa các cọc hơn một mét. Bãi cọc dài hàng trăm mét, rộng 13 mét. Hiện nay những cọc lim đầu vạt nhọn trưng bày ở viện bảo tàng đều được tìm thấy trên sông Chanh, có lẽ xưa kia trận địa cọc được bố trí ở đấy.

(1) Nay là thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

(2) Nay là tỉnh Hải Dương.

(3) Nay là phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Chiều xuân, đứng nhìn dòng sông đã ba lần làm rạng rỡ non sông ta thuở trước và hai lần chìm tàu chiến giặc Pháp cùng máy bay Mỹ ngày nay, bỗng dưng câu thơ xưa của Trần Minh Tông làm sống lại trong tôi cảnh núi sông hùng vĩ của Tổ quốc Việt Nam: *Sơn hà kim cổ song khai nhãn* (núi sông xưa nay hai lần mở mắt).

Con sông đầy rẫy huân công ấy lại là một khúc sông đầy sức sống. Mùa cạn có bãi bồi nhấp nhô từng gò cát trắng phau, mùa lũ nước tràn đến tận rừng cây hoang vắng, có lẽ vì thế nên gọi là bến Rừng chăng?

Bên dòng sông lịch sử, bất giác muốn ôn lại chuyện xưa: Chỗ này đây Hưng Đạo vương ngồi trên mình voi phát cao cờ lệnh, lớn tiếng thề: “Trận này không phá xong giặc Nguyên, quyết không về đến bến sông này nữa.” Dưới sườn núi U Bò kia là nơi phục binh của ta; trên sông, chỗ bến phà là những chiến thuyền ta thon thon cánh nhọn đang băng băng rẽ sóng Bạch Đằng. Trong rừng lim già hai bên sông là nơi nhân dân vùng Thủy Nguyên – Yên Hưng đón gỗ đóng cọc. Hai bên bờ sông Chanh, sông Kênh⁽¹⁾, sông Rút và dưới chân núi Tràng Kênh, Yên Tử là phòng tuyến mai phục của quân ta, đến nay dù rừng cây che khuất vẫn như còn dáng dấp của bóng quân trùng điệp tự thuở xưa. Dòng nước mang phù sa màu gạch, tưởng như từ nghìn năm trước máu quân xâm lược vẫn

(1) Cửa sông này ngày nay đã bị lấp.